TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/DS-ST
Ngày 11-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Minh Tấn

2. Ông Hoàng Văn Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong – là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Phan Quốc Khánh– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/TB-TLVA-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1967 (có mặt)

CCCD: 060167007095 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/07/2021. Địa chỉ: thôn V, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Cao Thị Thanh T – sinh năm: 1985 (có mặt)

Ông Huỳnh Văn H – sinh năm: 1977(vắng mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết vợ chồng bà Cao Thị Thanh T và Ông Huỳnh Văn H cần tiền nên tôi có cho vợ chồng bà T ông H vay mượn tiền cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào năm 2022, bà không nhớ ngày tháng bà T cần tiền nên vào nhà bà mượn tôi số tiền 20.000.000 đồng. Bà T nói chỉ mượn vài ngày trả nên bà cũng tin tưởng không viết giấy tờ gì. Khi mượn có thoả thuận lãi suất lãi suất 1.000.000 đồng/tháng/20.000.000 đồng. Bà T trả lãi cho bà đến giữa năm 2023 thì không trả lãi nữa. Từ đó đến nay bà T không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà.

Lần thứ 2: Ngày 04/6/2022, bà T có xuống nhà bà nói nhà có việc bà N cần tiền nên có mượn bà số tiền 50.000.000 đồng để về làm đám tang. Bà T hứa sau vi sẽ trả lại cho bà số tiền trên. Khi mượn hai bên có viết giấy mượn tiền bà T là người ký tên ghi họ tên. Khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất với nhau. Lãi suất 1 tháng bà T trả cho bà là 2.000.000 đồng/tháng/50.000.000 đồng. Bà T trả cho bà đến giữa năm 2023 thì không trả lãi nữa. Từ đó đến nay bà T không trả cho bà thêm số tiền lãi cũng như tiền gốc nào.

Lần thứ 3: Ngày 05/3/2023, vợ chồng bà T ông H có xuống nhà bà nói cần tiền đáo hạn ngân hang nên mượn bà thêm số tiền 80.000.000 đồng. Khi mượn thì bà T có viết giấy vay tiền và ký tên trong giấy vay. Ông H bà T hẹn bà tháng 5/2023 sau khi đáo hạn ngân hàng sẽ trả lại cho bà số tiền trên. Lãi suất vay hai bên thoả thuận 1 tháng là 4.000.000 đồng/tháng/80.000.000 đồng. Trả lãi đến tháng 6/2023 thì vợ chồng bà T ông H không trả lãi cho bà nữa. Từ đó đến nay bà T không trả cho bà thêm số tiền lãi cũng như tiền gốc nào.

Buộc vợ chồng bà Cao Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày bản án quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật là 20.000.000 đồng.

Chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 4/6/2022 số tiền 50.000.000 đồng; giấy mượn tiền 80.000.000 đồng không ghi ngày tháng.

Tại lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông H là vợ chồng hiện vẫn đang chung sống với nhau. Bà cũng có bà con với bà S, gọi bằng cô 7. Do có mối quan hệ quen biết cần tiền làm ăn nên vợ chồng bà có vay mượn tiền của bà Phạm Thị S. Cụ thể có mượn 3 lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 4/6/2022, bà có mượn của bà S số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích mượn làm gì cũng không nhớ cụ thể do lâu quá rồi. Khi mượn bà có viết giấy mượn tiền. Toàn bộ nội dung trong giấy mượn tiền ngày 4/6/2022 do bà ghi và ký tên xác nhận. Không hẹn ngày nào sẽ trả nợ. Lãi suất mượn hai bên thỏa thuận với nhau 1 tháng trả lãi 2.500.000 đồng/tháng/50.000.000 đồng. Khi bắt đầu mượn tiền bà bắt đầu trả lãi hằng tháng, việc trả lãi đưa tiền mặt tại nhà bà S không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh. Cũng do tin tưởng nhau mới đưa lãi như vậy. Mục đích vay là để làm ăn phục vụ kinh tế gia đình. Chồng bà vẫn biết bà có mượn tiền bà S.

Lần thứ 2 vay: Tôi không nhớ ngày tháng cụ thể có mượn thêm số tiền 80.000.000 đồng. Khi vay bà có viết giấy mượn tiền và ký tên trong giấy mượn tiền cho bà S. Toàn bộ nội dung trong giấy mượn tiền 80.000.000 đồng do bà S cung cấp là chữ viết chữ ký của bà ký và ghi xác nhận. Khi vay không hẹn ngày trả cụ thể. Lãi suất mượn hai bên thỏa thuận với nhau 1 tháng trả lãi 4.000.000 đồng/tháng/80.000.000 đồng. Khi bắt đầu mượn tiền bà bắt đầu trả lãi hằng tháng, việc trả lãi đưa tiền mặt tại nhà bà S không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh. Cũng do tin tưởng nhau mới đưa lãi như vậy. Mục đích vay là để làm ăn phục vụ kinh tế gia đình. Chồng bà vẫn biết bà có mượn tiền bà S.

Trong đơn khởi kiện bà S có trình bày khoảng vay 20.000.000 đồng vào năm 2022 khoản vay này đúng là có bà có vay của bà Phạm Thị S và hiện còn nợ lại số tiền trên.

Tôi thừa nhận có vay mượn của bà S số tiền 150.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu số tiền lãi cụ thể: Bà đồng ý trả số tiền lãi theo bà S yêu cầu là 20.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng cho bà Phạm Thị S (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2026 bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông và bà Cao Thị Thanh T là vợ chồng. Ông có biết việc bà S kiện cợ chồng ông bà. Ông thừa nhận có biết được việc vợ ông mượn bà S số tiền 130.000.000 đồng, ông chỉ nghe vợ nói lại chứ không ký tên vào giấy mượn tiền. Khi mượn tiền việc trả lãi cũng do vợ ông tự giao dịch với bà S chứ ông không biết gì. Ông thừa nhận có nợ bà S số tiền theo hai giấy mượn nợ là 130.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên. Ông cũng xin phần lãi suất do hiện nay ông đang bị bệnh nặng phải đi bệnh viện truyền máu liên tục.

Ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Toà án.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Cao Thị Thanh T, ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà Phạm Thị S số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng.

Buộc bà Cao Thị Thanh T phải trả cho bà Phạm Thị S số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp vay tiền với bị đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi. Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn có địa chỉ tại xã H, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó,

Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng bà Cao Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày bản án quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật là 20.000.000 đồng.

Trong qua trình giải quyết vu án bà Cao Thị Thanh T thừa nhận có vay của bà Phạm Thị S, ba lần số tiền 150.000.000 đồng đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, phù hợp với biên bản hòa giải ngày 20/7/2026 tại Tòa án khu vực 11, bà Cao Thị Thanh T và bà Phạm Thị S thỏa thuận bà Cao Thị Thanh T trả cho bà Phạm Thị S số tiền gốc 150.000.000 đồng và lãi 20.000.000 đồng

[4] *Về trách nhiệm trả tiền của ông Huỳnh Văn H và bà Cao Thị Thanh T đối khoản vay 130.000.000 đồng theo hai giấy mượn tiền*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 11- Lâm Đồng ông Huỳnh Văn H thừa nhận có biết vợ ông bà Cao Thị Thanh T có vay bà Phạm Thị S số tiền gốc 130.000.000 đồng, ông đồng ý cùng bà Cao Thị Thanh T trả số tiền trên cho bà S. Vì vậy HĐXX buộc bà Cao Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền 130.000.000 đồng.

[5] *Về trách nhiệm của bà Cao Thị Thanh T với khoản tiền 20.000.000 đồng*

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng, mặc dù hai bên không lập giấy vay tiền nhưng bà Cao Thị Thanh T đã thừa nhận có vay của bà Phạm Thị S số tiền này và hiện còn nợ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự được bị đơn thừa nhận nên có cơ sở xác định khoản vay này là có thật. Ông Huỳnh Văn H không thừa nhận khoản vay này. Tại phiên Tòa bà T và bà S thỏa thuận bà Cao Thị Thanh T trả cho bà Phạm Thị S tiền 20.000.000 đồng, nên buộc bà T trả cho bà S số tiền này.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả tài sản cho bên cho vay và theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Bà T cũng trình bày các khoản vay được sử dụng để phục vụ việc làm ăn, kinh tế gia đình và ông H biết việc vay tiền.

Từ những nhận định trên buộc bà Cao Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền gốc 130.000.000 đồng. buộc bà Cao Thị Thanh T thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền 20.000.000 đồng

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tổng cộng 20.000.000 đồng.

Bà Cao Thị Thanh T thừa nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu và đồng ý thanh toán 20.000.000 đồng tiền lãi.

Xét thấy, mặc dù các bên có thỏa thuận mức lãi suất vay cao hơn mức lãi suất được pháp luật cho phép, nhưng số tiền lãi nguyên đơn thực tế yêu cầu trong vụ án là 20.000.000 đồng và bị đơn bà T đã thừa nhận, đồng ý thanh toán.

Tuy nhiên, tiền lãi trong hợp đồng vay tài sản phải tuân thủ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Phần lãi suất vượt quá mức pháp luật quy định không được công nhận.

Sau khi đối chiếu thời gian vay, số tiền vay, thời gian chậm trả và các khoản lãi mà bị đơn đã thanh toán, xét thấy số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá phạm vi nghĩa vụ lãi hợp pháp phải thanh toán.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị S về số tiền lãi 20.000.000 đồng.

Trong đó, ông Huỳnh Văn H cùng có trách nhiệm liên đới với bà Cao Thị Thanh T trả cho bà Phạm Thị S đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi phát sinh từ nợ gốc số tiền 130.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cao Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 92, 147, 227, 228, 266 của ;
- Các điều Điều 463, 466, 468 của ;
-Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S.

Buộc bị đơn bà Cao Thị Thanh T, ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị S nợ gốc là 130.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi triệu đồng) và* tiền lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Tổng cộng 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*

Buộc bị đơn bà Cao Thị Thanh T thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Bà Cao Thị Thanh T phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Huỳnh Văn H phải chịu 7.500.0000 đồng (Bảy triệu lăm trăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Phạm Thị S 5.062.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002148 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 11 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thành